

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265a/2018/DS-PT

Ngày: 09/10/2018

V/v: “tranh chấp di sản thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Mai - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Thúy Kiều
- Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 189/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về “tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1929 (chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị K:

1. Ông Lê Văn A, sinh năm 1955 (chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn A:

- Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1982.

- Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1984.

- Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: số nhà 573/3, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1955.

Địa chỉ: số nhà 127/4, ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Lê Thị E, sinh năm 1961.

Địa chỉ: số nhà 177A3, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Lê Thị Xuân I, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Hoàng P, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng T: Ông Trần Minh T,

sinh năm 1945; địa chỉ: số nhà 367D, ấp 4, xã N, thành phố T, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 08/6/2017 và ngày 12/6/2017). *(có mặt)*

5. Ông Lê Văn X, sinh năm 1956. *(có mặt)*

Địa chỉ: số nhà 127/4, ấp 4, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn X: Ông Nguyễn Tri T, sinh năm 1977; địa chỉ: Lầu 2, số 90, đường X, phường G, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 09/12/2016) *(ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

6. Bà Lê Thị Ê, sinh năm 1964. *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: số nhà 267/3, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Bùi Thị Kim C, sinh năm 1969. *(có mặt)*

Địa chỉ: số nhà 276/3, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Châu T – Hội viên Hội Luật gia tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Như P, sinh năm 1965. *(có mặt)*

Địa chỉ: số nhà 127/4, ấp 4, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Lê Hoàng Á, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số nhà 404D, đường C, phường 7, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Lê Phú C, sinh năm 1987. *(có mặt)*

Địa chỉ: số nhà 277, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện ủy quyền của ông Lê Hoàng Á, ông Lê Phú C: Bà Trần Thị Như P (văn bản ủy quyền ngày 19/11/2016 và văn bản ủy quyền ngày 11/01/2018).

4. Lê Quý V, sinh năm 1998.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quý V: Bà Bùi Thị Kim C sinh năm 1969 (văn bản ủy quyền ngày 30/01/2018).

5. Lê Thanh X, sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: số nhà 276/3, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Thanh X: Bà Bùi Thị Kim C

6. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc K – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 16/5/2016) *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- ***Người kháng cáo:*** Bà Bùi Thị Kim C là bị đơn và ông Trần Minh T là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn (P, V, T, B, E, Ê, I) trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng nguyên đơn trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn X là ông Nguyễn Tri T trình bày:

Ông Lê Văn X là một trong 07 người con của cụ Huỳnh Thị K. Các con của cụ K gồm có: ông Lê Văn A, ông Lê Văn B, ông Lê Văn X, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Ê, bà Lê Thị Xuân I và ông Lê Khổng H.

Vào năm 2003, các anh em trong gia đình và mẹ ông là cụ Huỳnh Thị K có lập tờ thuận phân đồng ý cho ông Lê Khổng H phần tài sản gồm các thửa đất số 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất với điều kiện vợ chồng ông H phải phụng dưỡng cụ K vào những năm già yếu. Vợ chồng ông H quản lý sử dụng đến năm 2005 ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ các thửa đất trên.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng vào năm 2005, ông H bệnh chết, không để lại di chúc. Toàn bộ phần tài sản do bà C là vợ ông H tiếp tục quản lý sử dụng nhưng từ thời gian ông H chết, bà C không thực hiện tốt việc chăm sóc cụ K, những năm già yếu cụ K phải sang nhà cháu nội là Lê Phú C để sống. Năm 2009 sau một khoảng thời gian dài cụ K đã thương lượng với bà C để được nhận phần di sản của ông H để lại theo qui định của pháp luật nhưng bà C không đồng ý. Trong thời gian cụ K khởi kiện bà C yêu cầu chia thừa kế thì vào năm 2010 cụ K mất, ông X là một trong những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ K. Ông X vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Thị K yêu cầu hưởng một phần thừa kế trong khối di sản của ông H để lại, tài sản gồm có:

* Đất và vật kiến trúc, cây trồng trên đất.

+ Đất thửa 167, diện tích thổ cư 200m², phần đất này là căn nhà của bà C và hai con của bà C là Lê Quý V, Lê Thanh X đang quản lý sử dụng.

+ Đất thửa 168, diện tích 1.025,9m², phần đất này có một phần diện tích 281m² (thửa 168a) là căn nhà do gia đình ông X và vợ con là bà Trần Thị Như P, Lê Phú C, Lê Hoàng Á sinh sống từ năm 1998 đến nay và đây cũng là căn nhà những năm tháng tuổi già cụ K sinh sống.

+ Đất thửa 152, diện tích 2.915,6m², phần đất này hiện do bà C quản lý sử dụng, trên đất có trồng dừa và bưởi. Theo ông X thì phần cây trồng này có nhiều cây do cụ K trồng, có nhiều cây do vợ chồng ông H trồng.

Tổng cộng diện tích của ba thửa đất là 4.144,50m² cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Nguồn gốc tài sản này được ông X khẳng định đây là tài sản riêng của ông H, vì khi làm tờ thuận phân năm 2003 ý chí của mẹ ông và các anh em trong gia đình là cho riêng ông Lê Khổng H, nên hồ sơ xin xác lập quyền quản lý sử dụng cũng ghi tên cá nhân ông H. Vì đây là tài sản riêng của ông H nên bà C

phải chia thừa kế theo pháp luật trên toàn bộ phần di sản của ông H để lại cụ thể như sau:

+ Thừa 168, thừa này các đồng thừa kế sẽ nhận hiện vật là phần đất thừa 168a diện tích ngang 5,5m, dài 52m, tổng diện tích là 286m².

+ Thừa 152, yêu cầu chia cho bà K 1.000m², phần đất này trước đây là ruộng sau này lên bờ trồng dừa, các đồng thừa kế sẽ tính giá trị cải tạo và quản lý đất cho bà C khi nhận đất, đồng ý bồi hoàn giá trị cây trồng là 20.000.000 đồng cho bà C.

+ Thừa 167, đất này là thổ cư nhà của bà C quản lý không yêu cầu chia đất mà nhận giá trị. Ông X đồng ý nhận theo giá trị Hội đồng định giá định.

Ông X đồng ý với giá của Hội đồng định giá ngày 26/9/2017 và kết quả đo đạc ngày 28/5/2012 đối với thửa 152 và thửa 167, 168, 168a sử dụng kết quả đo ngày 04/4/2015.

Trước đây ông X có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện tại ông không còn giữ yêu cầu hủy giấy chứng nhận của bà Bùi Thị Kim C mà chỉ yêu cầu chia tài sản theo pháp luật.

Ngoài ra, ông X không có yêu cầu gì khác.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Ê, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Hoàng P, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng T là ông Trần Minh T trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của ông X về mối quan hệ gia đình và nguồn gốc di sản và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, nhưng riêng cách xác định toàn bộ phần di sản trên là tài sản riêng của ông H thì các đồng nguyên đơn do ông đại diện theo ủy quyền không thống nhất với lời trình bày của ông X các vấn đề sau:

Thứ nhất, vào năm 2003 khi cụ K lập tờ thuận phân cho ông H là thời điểm ông H đã có vợ và hai con nên tài sản vợ chồng ông H được cho tặng trong thời kỳ hôn nhân không thể xem là tài sản riêng được, theo ý kiến của các anh em đồng hàng thừa kế với ông X thì khẳng định rằng phần di sản này đã được tặng cho vợ chồng ông H và hai con, còn việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2005 chỉ ghi tên riêng cá nhân ông Lê Khổng H là do biểu mẫu của Nhà nước. Khởi kiện ban đầu của cụ K không yêu cầu chia thừa kế thửa 167 nên không yêu cầu chia thừa kế thửa này.

Thứ hai, cách chia thừa kế theo pháp luật của các đồng thừa kế phần di sản của ông H là nên xác định phần nào là tài sản riêng của ông H trong khối tài sản chung của vợ chồng ông H và các con rồi mới chia kỷ phần thừa kế cho cụ K. Kỷ phần thừa kế đồng ý xác định theo giá mà Hội đồng định giá đã định, cụ thể các đồng thừa kế yêu cầu được nhận 1/16 giá trị quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 152, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Căn nhà trên thửa đất số 167, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre là của cụ K cho ông H, sau đó ông H, bà C đã sửa chữa ngôi nhà lại như hiện nay, đây là căn nhà bà C và các con ông H sinh sống và thờ cúng ông H nên không đồng ý chia, phần cây trồng trên thửa đất số 152, tờ bản đồ số 08,

tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre là do ông H, bà C trồng và cây trồng nhỏ trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre là do ông H, bà C trồng và cây trồng lớn là do bà K trồng. Do đó, ông B, bà E, bà Ê, bà I, ông P, ông V, ông T, không yêu cầu chia cây trồng trên thửa đất số 152 và các tài sản, cây trồng trên thửa đất số 167, 168.

Thứ ba, các đồng nguyên đơn ông B, bà E, bà Ê, bà I, ông P, ông V, ông T đồng ý chia theo pháp luật phần di sản trên, yêu cầu được nhận phần di sản của cụ K bằng giá trị không yêu cầu nhận hiện vật. Giá trị một suất thừa kế cụ thể tính theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Bùi Thị Kim C đối với các thửa đất số 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Ông đồng ý với giá của Hội đồng định giá ngày 26/9/2017 và kết quả đo đạc ngày 28/5/2012 đối với thửa 152 và thửa 167, 168, 168a sử dụng kết quả đo ngày 04/4/2015.

Theo đơn phản tố, bản tự khai, các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị Kim C trình bày:

Nguồn gốc phần di sản là tài sản chung của vợ chồng bà và các con của bà. Vào năm 2003, anh em trong gia đình và mẹ chồng bà là cụ Huỳnh Thị K có lập tờ thuận phân đồng ý cho ông Lê Khổng H phân tài sản gồm các thửa đất số 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất như lời trình bày của các đồng nguyên đơn là đúng. Khi vợ chồng bà nhận các thửa đất này thì trong hộ khẩu gia đình bà có chồng bà và các con, bà canh tác quản lý sử dụng ổn định, bỏ nhiều công sức cải tạo đất, lý do bà không đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng với ông H là do vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, bà nghĩ cha mẹ đã cho tài sản trong thời kỳ hôn nhân thì vợ hay chồng ai đứng tên sổ đỏ cũng như nhau nên để cá nhân chồng bà làm sổ đỏ.

Bà đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật tài sản của chồng bà để lại, nhưng đồng ý theo cách chia của các đồng nguyên đơn do ông Trần Minh T làm đại diện ủy quyền, không đồng ý cách chia của đại diện ủy quyền của ông X vì theo bà đây là tài sản chung của vợ chồng và các con nên phải chia khi xác định phần tài sản riêng của ông H, còn lại là bao nhiêu sau khi đã chia tài sản chung cho vợ và hai con là Lê Quý V và Lê Thanh X và chỉ đồng ý chia giá trị.

Phần công sức cải tạo, gìn giữ đất vợ chồng bà đã bỏ ra nhiều chi phí nhưng do thời gian đã nhiều năm, bà cũng không lường trước có việc tranh chấp như ngày hôm nay nên việc ghi chép sổ sách bà không còn lưu giữ, không biết số tiền là bao nhiêu nên yêu cầu tính phần này giá trị bằng một suất thừa kế.

Căn nhà trên thửa 168a, diện tích 281m² xác định theo kết quả đo đạc ngày 04/4/2015 thuộc một phần thửa 168, năm 2005 ông X đã ký với vợ chồng bà là ở nhờ trên đất. Bà yêu cầu gia đình bà P, ông X phải di dời căn nhà trên thửa 168a giao trả phần đất trên cho bà, bà đồng ý hỗ trợ phần di dời nhà.

Bà đồng ý với giá của Hội đồng định giá ngày 26/9/2017 và kết quả đo đạc ngày 28/5/2012 đối với thửa 152 và thửa 167,168, 168a sử dụng kết quả đo ngày 04/4/2015.

Theo các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng Á, ông Lê Phú C, đồng thời cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Như P trình bày:

Bà đồng ý về nguồn gốc di sản như lời trình bày của ông X và người đại diện theo ủy quyền của ông X đã trình bày. Bà là vợ ông X là dâu của cụ K, bà đồng ý trước đây vào năm 2003 gia đình cụ K đã cho các phần đất trên cho ông Hnhung với điều kiện vợ chồng ông H phải chăm sóc cụ K vào những năm tháng tuổi già nhưng do ông H đã chết trước cụ K. Vào những năm sau khi ông H mất, cụ K không được bà C chăm sóc như đã hứa, cụ K về sống chung với cháu nội là Lê Phú C cho đến ngày cụ mất. Cụ K đã khởi kiện yêu cầu bà C giao lại phần thừa kế của cụ đối với phần di sản ông H để lại, ý chí cụ K là khi nhận phần di sản được chia từ di sản của ông H, cụ K sẽ cho hết phần này cho cháu nội là Lê Phú C để cháu phụng dưỡng bà lúc tuổi già và lo phần hương hỏa cho cụ. Vào ngày 03/6/2009, cụ K đã lập di chúc để lại toàn bộ phần di sản bà được hưởng thừa kế tặng cho cháu nội là Lê Quý C.

Đối với phần căn nhà nằm trên thửa 168a là do cụ K xây cất vào năm 1996, gia đình bà đã ở trên căn nhà này từ khi cụ K còn sống, trước đây là cái quán được dựng lên để mua bán sinh sống, bà C yêu cầu gia đình bà di dời để giao trả phần đất trên bà không đồng ý vì lúc còn sống cụ K đã cho gia đình bà căn nhà và phần đất này mà cụ thể là cho Lê Phú C, điều này đã được thể hiện rõ trong di chúc. Bà P không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà C, yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận di chúc của cụ K lập ngày 03/6/2009 có giá trị pháp lý, công nhận phần di sản của cụ K để lại cho Lê Phú C toàn quyền quản lý sử dụng.

Phần cây trồng và vật kiến trúc trên đất có cây bưởi, cây dừa là do cụ K trồng và ông X trồng nếu Tòa giải quyết yêu cầu gia đình bà di dời trả đất bà không yêu cầu giải quyết phần công sức, phần căn nhà bà đồng ý nhận bồi thường theo qui định của Nhà nước.

Bà Phúc đồng ý với giá của Hội đồng định giá ngày 26/9/2017 và kết quả đo đạc ngày 28/5/2012 đối với thửa 152 và thửa 167, 168, 168a sử dụng kết quả đo ngày 04/4/2015.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Lê Quý V, Lê Thanh X và là bị đơn bà Bùi Thị Kim C trình bày:

Bà là mẹ của Lê Thanh X và Lê Quý V, theo ý chí của các con thì phần di sản của ông H để lại tiếp tục giao cho mẹ là bà C quản lý sử dụng, các con không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với phần thừa kế của bà nội các cháu là cụ K thì các cháu là hàng thừa kế thế vị của ông H nếu các đồng thừa kế của cụ K được hưởng thừa kế của

cụ K thì cháu V và cháu X cũng có yêu cầu được hưởng một kỷ phần theo qui định của pháp luật.

Bà C đồng ý với giá của Hội đồng định giá ngày 26/9/2017 và kết quả đo đạc ngày 28/5/2012 đối với thửa 152 và thửa 167, 168, 168a sử dụng kết quả đo ngày 04/4/2015.

Ngoài ra, bà C không có trình bày thêm yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm (lần 1) số 57/2010/DS-ST ngày 29/11/2010 của Tòa án nhân dân thành phố T, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Huỳnh Thị K. Cụ thể tuyên:

Các đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị K được trọn quyền sử dụng phần đất và hoa màu trên đất thuộc các thửa 168A, 168B có tổng diện tích 281m² và thửa 152A có diện tích 1.426m² thuộc tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Đ, thành phố T.

Bà Bùi Thị Kim C và hai cháu Lê Quý V và Lê Thanh X được trọn quyền sử dụng phần đất và hoa màu trên đất thuộc các thửa 167 có diện tích 200m², 168 có diện tích 744.9m², 152 có diện tích 1.489,6m² thuộc tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Đ, thành phố T.

Các đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị K phải trả cho bà Bùi Thị Kim C số tiền 20.839.500 đồng.

Tại bản án dân sự phúc thẩm (lần 1) số 34/2011/DS-PT ngày 24/3/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm (lần 1) số 57/2010/DS-ST ngày 29/11/2010 của Tòa án nhân dân thành phố T. Giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm (lần 2) số 77/2016/DS-ST ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T, tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Bùi Thị Kim C đối với các thửa đất số 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê Khổng H để lại, cụ thể tuyên:

- Buộc bà Bùi Thị Kim C phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị K (những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị K là ông Lê Văn X, ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Ê, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Hoàng P, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng T, ông Lê Quý V, cháu Lê Thanh X nhận) số tiền là 471.929.250 đồng.

- Buộc bà Bùi Thị Kim C có trách nhiệm trả cho ông Lê Quý V số tiền là 471.929.250 đồng.

- Buộc bà Bùi Thị Kim C có trách nhiệm trả cho cháu Lê Thanh X (ông Lê Quý V là người đại diện theo pháp luật nhận thay) số tiền là 471.929.250 đồng.

Bà Bùi Thị Kim C được trọn quyền sử dụng các thửa đất số 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên các phần đất này.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị Kim C. Buộc ông Lê Văn X, bà Trần Thị Như P, ông Lê Hoàng Á, ông Lê Phú C di dời nhà và toàn bộ tài sản trên đất trả lại cho bà Bùi Thị Kim C một phần đất thuộc thửa đất số 168a, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Tại bản án dân sự phúc thẩm (lần 2) số 75/2017/DS-PT ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 77/2016/DS-ST ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm (lần 3) số 42/2018/DS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Áp dụng Điều 631, 634, 649, 652, 653, 657, 674, 675, 676, 685 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê Khổng H để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Phú C về việc công nhận di chúc ngày 03/6/2009 của cụ Huỳnh Thị K có hiệu lực.

Buộc bà Bùi Thị Kim C phải giao phần di sản của cụ Huỳnh Thị K được hưởng cho ông Lê Phú C theo di chúc đã lập ngày 03/6/2009 cụ thể như sau:

+ Giá trị tài sản của hai thửa 167, 152 số tiền là 412.479.400 đồng.

+ Phần đất tại thửa 168 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre, ông Lê Phú C được nhận phần đất tại thửa 168a diện tích theo hiện trạng sử dụng là 281m² (có họa đồ kèm theo).

Bà Bùi Thị Kim C, ông Lê Quý Văn và Lê Thanh X được toàn quyền sử dụng phần đất tại các thửa 167, 152 và một phần còn lại của thửa 168 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của

Bộ luật Dân sự 2015.

Bà Bùi Thị Kim C liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 168 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Phú C liên hệ cơ quan chức năng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Kim C về việc yêu cầu tính phần công sức đóng góp là một kỷ phần thừa kế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thu thập chứng cứ, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/6/2018, bà Bùi Thị Kim C là bị đơn và ông Trần Minh T là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn (P, V, T, B, E, Ê, I) kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thị Kim C và Luật sư Lê Châu T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Kim C trình bày:

Các thửa đất 152, 167 và 168 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, thành phố T là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà C. Ông H chết không để lại di chúc. Vì vậy, bà C chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật sau khi xác định tài sản riêng của ông H trong khối tài sản chung của vợ chồng thì mới chia cho hàng thừa kế thứ nhất của H (nhưng chia bằng giá trị) và xem xét công sức cho bà C thêm 01 kỷ phần thừa kế. Tờ thỏa thuận ở nhờ giữa vợ chồng ông H và ông X được lập sau khi ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên yêu cầu gia đình ông X di dời nhà trả đất cho bà C; đồng thời không công nhận di chúc của cụ K lập ngày 03/6/2009 về việc cho tài sản đối với Lê Phú C vì thời điểm lập di chúc, cụ K chưa có di sản này.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn (P, V, T, B, E, Ê, I) là ông Trần Minh T trình bày:

Yêu cầu Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án vì nhu cầu khởi kiện của các đồng thừa kế của nguyên đơn không còn, riêng ông X trước đây chỉ muốn lấy căn nhà chứ cũng không có nhu cầu chia thừa kế. Nếu chia thừa kế theo pháp luật thì chỉ dừng lại ở phần cụ K được hưởng và phần này giao cho bà C quản lý. Ông đề nghị không công nhận di chúc do cụ K lập ngày 03/6/2009 vì lúc lập di chúc, cụ K chưa có tài sản. Khi cụ K và các con của cụ làm tờ thuận phân cho đất ông H là cho cả vợ và con ông H. Bà K không yêu cầu chia thừa 167 nhưng Tòa đưa vào chia thừa kế là không đúng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, phần đất ông Lê Phú C được nhận tại thửa 168a diện tích 281m² thì không đủ diện tích tối

thiếu để được tác thừa theo Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc Quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre, theo quy định thì tại các xã diện tích đất tối thiểu được tách thửa đối với đất ở là 50m², đất phi nông nghiệp là 300m² và đất nông nghiệp là 500m². Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, theo hướng: giao cho bà Kim C toàn bộ diện tích thửa đất 168 + 168a và vật kiến trúc, cây trồng trên đất; buộc bà Kim C có nghĩa vụ hoàn giá trị đất và cây trồng trên thửa 168, 168a cho người kế thừa quyền nghĩa vụ của cụ K theo di chúc là anh Lê Phú C và hoàn giá trị giá trị căn nhà của ông X, bà Phúc trên thửa 168a cho ông X, bà P; đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Kim C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Kim C, kháng cáo của ông Trần Minh T là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của các nguyên đơn (P, V, T, B, E, Ê, I); ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Khổng H có đứng tên quyền sử dụng đất đối với các thửa 152, 167, 168, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T với tổng diện tích là 4.141,2m² được cấp vào ngày 30/3/2005. Sau khi được Ủy ban nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 30/9/2005 ông H chết không để lại di chúc. Do các hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm mẹ ông là cụ Huỳnh Thị K và vợ con của ông là bà Bùi Thị Kim C, Lê Quý V, Lê Thanh X không thỏa thuận được việc phân chia di sản để lại của ông H nên phát sinh tranh chấp.

[2] Năm 2009, cụ K khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 21/3/2010 cụ K mất. Ông X là một trong những người kế thừa quyền nghĩa vụ của cụ K vẫn tiếp tục yêu cầu khởi kiện của cụ K yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông H. Bị đơn bà C đồng ý chia kỷ phần thừa kế theo pháp luật cho cụ K, nhưng chia sau khi đã xác định tài sản riêng của ông H trong khối tài sản chung của vợ chồng và các con của ông H. Căn cứ nội dung Tờ thuận phân lập ngày 08/8/2003 thể hiện cụ K và các con thống nhất cho ông H các thửa đất 167, 168, 152 và ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 11/3/2009, bà C cũng xác định năm 2003, cụ K và các anh chị có “cho chồng tôi... 4.141,9m² đất”. Ngoài ra, theo hồ sơ đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất của bà C thì nguồn gốc đất được kê khai là “cha mẹ cho con nay chuyển vợ thừa kế”. Việc bà C đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nhận thừa kế từ ông H trong khi hàng thừa kế thứ nhất của ông H ngoài vợ con ông thì còn có mẹ ruột của ông H là cụ K nhưng cơ quan có thẩm quyền chỉ căn cứ vào đơn đăng ký của bà C, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai tử, hộ khẩu để chuyển quyền sử dụng đất

đối với các thửa đất trên cho bà C mà không có ý kiến cụ K là không đúng quy định. Theo đơn khởi kiện bổ sung, cụ K có yêu cầu chia thừa kế gồm các thửa đất 152, 167, 168. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các thửa đất này là tài sản riêng của ông H và chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H được nhận kỷ phần bằng nhau là đúng quy định.

[3] Khi cụ K cho đất ông H thì trên thửa 167 đã có ngôi nhà của cụ K và một số cây trồng trên thửa 152, 168. Sau đó, ông H, bà C đã sửa chữa ngôi nhà này lại, đồng thời trồng thêm một số cây trên thửa 152, 168. Do bà C không chứng minh được công sức cải tạo nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào việc bà là người đang canh tác, quản lý các thửa đất nêu trên và có công tu sửa, gìn giữ và trồng thêm các cây trồng trên đất nên xem xét chia thành 05 kỷ phần; theo đó, bà C và hai con nhận 04 kỷ phần (có xem xét công sức của bà C tương ứng 01 kỷ phần), cụ K được nhận 01 kỷ phần là phù hợp. Do Lê Quý V và Lê Thanh X không yêu cầu giải quyết nên bà C tiếp tục quản lý kỷ phần thừa kế của hai con.

[4] Theo quy định pháp luật, khi cụ K chết thì các đồng thừa kế của cụ K sẽ được hưởng kỷ phần mà cụ K được chia. Tuy nhiên, ngày 03/6/2009, cụ K lập di chúc để lại toàn bộ phần tài sản mà cụ được hưởng cho cháu nội của cụ là ông Lê Phú C (con ông Lê Văn X). Xét tờ di chúc do cụ K lập là đúng về hình thức, nội dung theo quy định pháp luật. Đồng thời, nội dung di chúc cũng nêu rõ điều kiện của di chúc là *“căn cứ vào quyết định bản án cuối cùng của Tòa án phần tài sản cụ K được hưởng sẽ giao cho anh C”*. Tại Điều 105 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về Tài sản như sau:

“... 2. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai”.

Điều 108 Bộ luật Dân sự 2015 cũng quy định về Tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai:

“... 2. Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm:

a) Tài sản chưa hình thành;

b) Tài sản đã hình thành nhưng chủ thể xác lập quyền sở hữu tài sản sau thời điểm xác lập giao dịch”.

Còn tại Điều 612 Bộ luật dân sự 2015 quy định về Di sản: *“Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác”.*

Đối chiếu các quy định pháp luật về thừa kế, cụ K sẽ được chia 01 phần di sản của ông H nên đây là tài sản riêng hình thành trong tương lai của cụ K. Nay cụ K đã chết nên ông C có yêu cầu độc lập yêu cầu công nhận di chúc cụ K được cấp sơ thẩm chấp nhận đồng thời giao phần tài sản của cụ K được hưởng cho ông C là phù hợp.

[5] Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất lập ngày 01/4/2015, trên một phần thửa 168 (thửa 168a, diện tích 281m²) có 01 ngôi nhà hiện do ông Lê Phú C đứng tên chủ hộ. Theo Quyết định số: 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 và Quyết định số: 38/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Bến Tre về việc Quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre thì tại các xã diện tích đất tối thiểu được tách thửa đối với đất ở là 50m², đất phi nông nghiệp là 300m² và đất nông nghiệp là 500m². Như vậy, thửa đất 168a diện tích 281m² không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo Quyết định nêu trên. Hơn nữa, bà P là người đại diện theo ủy quyền của ông C cho rằng nếu buộc gia đình bà di dời nhà trả đất cho bà C thì bà không yêu cầu giải quyết phần công sức, còn phần căn nhà thì bà đồng ý nhận bồi thường theo quy định. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, giao toàn bộ thửa đất 168a và căn nhà trên thửa 168a cho bà C quản lý sử dụng đồng thời buộc bà C có nghĩa vụ hoàn lại giá trị căn nhà cho ông C. Theo biên bản định giá ngày 26/9/2017 thì giá trị căn nhà trên thửa 168a là 31.742.000 đồng. Ông X, bà P, ông C, ông A được quyền lưu cư trong thời gian 06 tháng kể từ ngày tuyên án.

[6] Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung, cụ K không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, ông X yêu cầu nhưng không thuộc phạm vi khởi kiện ban đầu của cụ K, đồng thời ông X cũng đã rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm tuyên bổ sung.

[7] Ông Trần Minh T kháng cáo với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn (P, V, T, B, E, Ê, I). Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2017, ngày 01/10/2018 đối với bà Ê thì bà Ê không còn ủy quyền cho ông Thành tham gia tố tụng và không ủy quyền cho ông Thành kháng cáo; đồng thời, bà Ê cũng không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm và xin được giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc ông Thành kháng cáo với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Ê. Xét nội dung kháng cáo của ông Thành với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn còn lại đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án (do không còn yêu cầu khởi kiện) là không phù hợp vì người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K là ông Lê Văn X vẫn còn yêu cầu chia thừa kế, nên kháng cáo của ông T là không có cơ sở.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Kháng cáo của bà C và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C có một phần phù hợp nên được chấp nhận một phần.

[10] Do kháng cáo của bà C được chấp nhận một phần nên bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà C.

[11] Kháng cáo của ông Thành đại diện cho các đồng nguyên đơn là các ông (bà): P, V, T, B, E, I không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông B thuộc diện người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên ông X được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Kim C. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh T (là người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà): (Lê Hoàng P, Lê Hoàng V, Lê Hoàng T, Lê Văn B, Lê Thị E, Lê Thị Xuân I).

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre. Cụ thể tuyên:

Áp dụng Điều 631, 634, 649, 652, 653, 657, 674, 675, 676, 685 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê Khổng H để lại.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phú C về việc công nhận di chúc ngày 03/6/2009 của cụ Huỳnh Thị K có hiệu lực.

Buộc bà Bùi Thị Kim C phải giao phần di sản của cụ Huỳnh Thị K được hưởng cho ông Lê Phú C theo di chúc đã lập ngày 03/6/2009 cụ thể như sau:

+ Giá trị tài sản của các thửa 167, 152, 168 số tiền là 496.732.000 đồng.

+ Giá trị căn nhà trên thửa 168a số tiền là 31.742.000 đồng.

Tổng cộng là 528.474.000 đồng (*Năm trăm hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Kim C. Bà Bùi Thị Kim C, Lê Quý V và Lê Thanh X được toàn quyền sử dụng phần đất tại các thửa 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên các phần đất này.

Buộc ông Lê Văn X, bà Trần Thị Như P, ông Lê Hoàng A, ông Lê Phú C phải giao phần đất có diện tích 281m² và nhà thuộc thửa 168a, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre cho bà Bùi Thị Kim C, Lê Quý V và Lê Thanh X, (có họa đồ kèm theo).

Ông Lê Phú C, ông Lê Văn X, bà Trần Thị Như P, ông Lê Hoàng A được lưu cư trong vòng 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Kim C về việc yêu cầu tính

phần công sức đóng góp là một kỷ phần thừa kế.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X là một trong những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Bùi Thị Kim C đối với các thửa đất 152, 167, 168, bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

6. Chi phí thu thập chứng cứ là 5.642.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn đồng*), mỗi kỷ phần phải chịu số tiền là 1.128.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi tám ngàn đồng*), ông Lê Phú C có nghĩa vụ phải hoàn lại cho ông Lê Văn X số tiền 1.128.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi tám ngàn đồng*), bà Bùi Thị Kim C phải hoàn lại cho ông Lê Văn X số tiền 4.512.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm mười hai ngàn đồng*).

7. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Phú C phải chịu số tiền án phí là 25.139.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi chín ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng*) theo biên lai thu số 008218 ngày 16/02/2009 của Thi hành án dân sự thị xã Bến Tre (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T) và số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0013184 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Ông Lê Phú C còn phải nộp số tiền là 23.019.000 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm mười chín ngàn đồng*).

Bà Bùi Thị Kim C phải nộp số tiền án phí là 47.738.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng là 562.500 đồng (*Năm trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 003449 ngày 30/6/2011, số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000435 ngày 3/01/2017, số tiền 200.000 đồng biên lai thu số 00812 ngày 09/12/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà Bùi Thị Kim C còn phải nộp số tiền là 46.975.500 đồng (*Bốn mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị Kim C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Bùi Thị Kim C số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0017341 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn, các ông (bà) Lê Thị E, Lê Thị Xuân I, Lê Văn A (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông A là Lê Hoàng P, Lê Hoàng V, Lê Hoàng T) phải liên đới chịu số tiền án phí là 900.000 đồng (*Chín trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017341 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre (do ông Trần Minh T nộp thay).

Ông Lê Văn B được miễn nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn B số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được trích trong biên lai thu

số 0017341 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre (do ông Trần Minh T nộp thay).

Hoàn trả cho bà Lê Thị Ê số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được trích trong biên lai thu số 0017341 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre (do ông Trần Minh T nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND thành phố T (2b);
- Chi cục THADS thành phố T (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (5b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt